



PHIẾU TỔNG HỢP NỘI DUNG BÀI HỌC

LỚP 2, CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH EOW

Unit 3: Clothes

(Bài 3 : Quần áo)

I. Lesson objectives (Mục tiêu bài học)

- *To review identifying shapes and colors, numbers 1 – 18. (Ôn tập xác định các hình dạng và màu sắc, số đếm từ 1 đến 18)*
- *To practice asking and answering about numbers of shapes with colors. (Thực hành hỏi đáp về số lượng hình dạng với màu sắc)*
- *To practice counting. (Tập đếm)*
- *To review identifying vocabulary about toys, family, and clothes. (Ôn tập nhận biết các từ vựng về đồ chơi, gia đình và quần áo)*
- *To identify sounds in words (Xác định các âm trong từ)*
- *To review expressing what you want (Ôn tập cách diễn đạt những gì mình muốn)*

II. Lesson content (Nội dung bài học)

1. Vocabulary (Từ Vựng)

Review (Ôn tập)

- a rectangle (hình chữ nhật), a triangle (hình tam giác), a circle (hình tròn), a square (hình vuông), colors (red ,...orange) (màu sắc (màu đỏ,...màu cam), numbers 1- 18 (số đếm từ 1 đến 18), a shirt (áo sơ mi), a doll (búp bê), milk (sữa), shoes (đôi giày), a skirt (chân váy ngắn), a coat (áo choàng), hot (nóng), sister (chị/ em gái), a kite (con diều)
- a balloon (bóng bay), a ball (quả bóng), a teddy bear (gấu bông), a car (ô tô), a robot (người máy), a dress (chiếc váy), pants (quần dài), socks (đôi tất), shorts (quần đùi), a hat (chiếc mũ)

New words (Từ mới)

- shop (v): mua sắm

2. Structures (Cấu trúc câu)

- How many orange triangles? - One / - Two. (Có bao nhiêu hình tam giác màu cam? - Một/ Hai)

- She has 17 green hats. - He has 18 shoes. (*Cô ấy có 17 chiếc mũ xanh. - Anh ấy có 18 chiếc giày*)
- I want (a) _____. (*Tôi muốn...*)
- My sister wants (a) _____. (*Chị tôi muốn (một)...*)

3. **Homelink** (Dặn dò về nhà)

- Các con học thuộc và luyện viết từ vựng.
- Luyện nói từ vựng và cấu trúc
- Luyện tập/ thực hành những bài tập còn lại con chưa hoàn thiện trên lớp trong sách TLBT.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm tạo điều kiện của các Thầy/Cô và Quý vị PHHS trong việc đồng hành cùng con vui học